

HOẠT ĐỘNG QUỐC TẾ VÀ NGOẠI GIAO CỦA HỒ CHÍ MINH MỘT SỰ NGHIỆP VÀ TƯ TƯỞNG LỚN

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

2-3-2022

Ngày thẩm định, đánh giá:

19-6-2022

Ngày duyệt đăng:

5-7-2022

Tóm tắt: Hoạt động quốc tế và ngoại giao của Hồ Chí Minh là bộ phận rất quan trọng và nổi bật trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Ba mươi năm hoạt động ở nước ngoài (1911-1941), quan hệ với Quốc tế Cộng sản, các đảng cách mạng và đồng chí, bè bạn đã khẳng định Hồ Chí Minh là chiến sĩ quốc tế lỗi lạc. Hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trên cương vị đứng đầu Nhà nước đã hình thành mặt trận ngoại giao, cùng với mặt trận chính trị, quân sự, đưa sự nghiệp độc lập dân tộc, thống nhất đến toàn thắng. Trong ngoại giao với đồng chí, bè bạn hay với đối phương, Hồ Chí Minh đều tỏ rõ bản lĩnh, trí tuệ, nhân văn, thành thực, trọng lẽ phải và sự mềm dẻo cần thiết. Đó là nền tảng của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Từ khóa:

Hồ Chí Minh; hoạt động quốc tế; ngoại giao

Khi còn học tập và tham gia các hoạt động yêu nước ở trong nước, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã quan tâm tìm hiểu các cuộc cách mạng, cải cách diễn ra ở các nước Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản, Trung Quốc. Chính những khẩu hiệu của cuộc Cách mạng Pháp (Tự do - Bình đẳng - Bác ái) đã hướng Nguyễn Tất Thành tới nước Pháp và phương Tây.

Con tàu Amiral Latouche Treuille, ngày 5-6-1911, đã đưa Nguyễn Tất Thành rời Sài Gòn sang Pháp. Năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm việc trên tàu của hãng Vận tải Hợp nhất (Sácgiơ Rênyi) và dừng lại ở bến cảng của các nước. Nguyễn Tất Thành quan sát và thấy được phần nào sự cùng khổ của người dân các nước thuộc địa châu Phi cũng giống như ở Việt Nam. Nguyễn Tất Thành

qua các nước Nam Mỹ; tháng 12-1912, đến New York (Hoa Kỳ). Sau này, Hồ Chí Minh nhớ lại những ngày tháng ở New York: “Tôi làm việc không đến nổi vất vả lắm và tôi dùng một số thời gian rảnh để học tập và đi thăm những khu vực trong thành phố”¹. Cuối năm 1913, Nguyễn Tất Thành rời Hoa Kỳ đến Vương quốc Anh và năm 1917 từ nước Anh trở lại nước Pháp.

Hoạt động quốc tế của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp (1917-1923) vô cùng sôi nổi và phong phú với những sự kiện đáng ghi nhớ đưa Người lên vị trí nhà hoạt động chính trị được nhiều người Việt Nam yêu nước và bạn bè quốc tế biết đến và những người cầm quyền nước Pháp “quan tâm”. Ngay từ khi bắt đầu sự nghiệp đấu tranh cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã là một chiến sĩ quốc tế. Đầu năm 1919,

Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Đó là đảng chính trị của Quốc tế II và cũng là tổ chức duy nhất ở Pháp bên vực nhân dân các nước thuộc địa của Pháp, trong đó có Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc có điều kiện trao đổi ý kiến với các nhà hoạt động chính trị và văn hóa của Pháp: Marcel Cachin, Paul Vaillant - Couturier, Léon Blum, Jean Longuet, Gaston Monmousseau. Người học hỏi được nhiều từ các đồng chí bạn bè Pháp.

Tháng 6-1919, các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới I họp hội nghị tại Versailles (Pháp). Tổng thống Hoa Kỳ khi đó là Woodrow Wilson đã hứa hẹn tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc. Ngày 18-6-1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi Bản yêu sách 8 điểm tới hội nghị. Đó là hoạt động đòi quyền dân tộc có tiếng vang quốc tế lớn vì quyền dân tộc gắn liền với quyền con người. Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam đã không được các nước đế quốc xem xét đến. Sau này, Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận, những lời hứa hẹn của W.Wilson chỉ là trò bịp.

Sự kiện Cách mạng Tháng Mười Nga (1917), quan điểm của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa có ảnh hưởng lớn đến nhận thức của Nguyễn Ái Quốc. Ngày 16 và 17-7-1920, báo *L'Humanité* của Đảng Xã hội Pháp đăng bản "Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa" của V.I.Lênin. Nguyễn Ái Quốc tiếp thu những tư tưởng cách mạng đúng đắn từ tác phẩm đó và tìm thấy con đường cứu nước chân chính, hoàn toàn tin theo V.I.Lênin và Quốc tế Cộng sản. Tháng 11-1920, Nguyễn Ái Quốc dự mít tinh kỷ niệm lần thứ 3 cuộc Cách mạng Tháng Mười do Đảng Xã hội Pháp tổ chức. Từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội 18 của Đảng Xã hội Pháp họp tại thành phố Tours với tư cách đại biểu Đông Dương. Tại Đại hội, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam

và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc có gặp gỡ các đại biểu quốc tế trong đó có đồng chí Clara Zetkin, nữ chiến sĩ cách mạng Đức, Ủy viên Ban Thường vụ Quốc tế Cộng sản. Kết thúc Đại hội, Nguyễn Ái Quốc cho rằng, Quốc tế III rất chú ý đến vấn đề giải phóng thuộc địa. Khát vọng của Người là: "Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu"².

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Paris từ năm 1919 đã làm cho chính quyền nước Pháp chú ý theo dõi. Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Albert Sarraut, người từng là Toàn quyền Đông Dương, đã chỉ thị cho Pierre Arnoux theo dõi Nguyễn Ái Quốc. Nhiều lần Albert Sarraut triệu tập Nguyễn Ái Quốc để đe dọa và mua chuộc. Tại cuộc gặp tháng 2-1921, Nguyễn Ái Quốc nói rõ: "Nếu nước Pháp trả lại nền độc lập cho chúng tôi, ông sẽ thấy là chúng tôi biết cầm quyền cai trị lấy"³. Trong cuộc gặp tháng 6-1922, Nguyễn Ái Quốc thẳng thắn yêu cầu: "Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập"⁴. Đó là quan điểm chính trị và mục tiêu đấu tranh hoàn toàn rõ ràng.

Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc làm việc trong Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp. Tháng 6-1921, Người tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa gồm những nhà hoạt động cách mạng của Đông Dương, Algeria, Tunisia, Madagascar. Nguyễn Ái Quốc được cử vào Ban Chấp hành và là Ủy viên thường trực. Ngày 1-4-1922, báo *Le Paria* (Người cùng khổ) diễn đàn của các dân tộc thuộc địa ra số đầu với sự tham gia sáng lập của Nguyễn Ái Quốc. Tờ báo ra 38 số tới tháng 4-1926, là vũ khí đấu tranh của các dân tộc thuộc địa ở Bắc Phi và Đông Dương vì mục tiêu giải phóng con người.

Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Pháp, ngày 25-12-1921, tại Marseille.

Từ ngày 21 đến ngày 24-10-1922, Người dự Đại hội II Đảng Cộng sản Pháp họp tại Paris. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc đã gặp và nói chuyện với D.Manuinxki, thay mặt Quốc tế Cộng sản dự đại hội. Mọi quan hệ của Nguyễn Ái Quốc với Quốc tế Cộng sản đã được xác định rõ và Người mong muốn tới Liên Xô, quê hương của V.I.Lênin, cuộc Cách mạng Tháng Mười, trụ sở Quốc tế Cộng sản.

Tháng 5-1921, trên tạp chí *La Revue Communiste*, Nguyễn Ái Quốc viết bài “Đông Dương”, trong đó có quan điểm đặc sắc về cách mạng thế giới. Nguyễn Ái Quốc đặt vấn đề: chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không? Và Người đã trả lời: “xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu”⁵. Nguyễn Ái Quốc cũng nêu rõ tính chủ động của cách mạng ở các thuộc địa châu Á không chờ cách mạng thắng lợi ở các nước phương Tây mà còn “có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”⁶. Tại Paris, Người đã có liên hệ với đại biểu các dân tộc châu Á. Nguyễn Ái Quốc viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, xuất bản năm 1925.

Ngày 14-6-1923, Nguyễn Ái Quốc rời nước Pháp đến Liên Xô để mở rộng quan hệ quốc tế, khẳng định con đường cứu nước, bắt đầu quá trình trở về Tổ quốc. Các đồng chí cộng sản Pháp và Đức đã giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc thực hiện chuyến đi lịch sử. Ngày 30-6-1923, Người đến Petrograd (nay là Saint Petersburg) sau đó tới Matxcova, làm việc tại Quốc tế Cộng sản. Tháng 10-1923, nhà cầm quyền Pháp mới biết Nguyễn Ái Quốc không còn ở Pháp.

Từ nửa cuối năm 1923, Nguyễn Ái Quốc tập trung nghiên cứu về CNXH, CNCS cả về lý luận và thực tiễn Liên Xô, đồng thời nghiên cứu vấn đề dân tộc và thuộc địa theo tư tưởng của V.I.Lênin. Cuối năm 1923, Nguyễn Ái Quốc học Trường Đại

học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Ngày 21-1-1924, V.I.Lênin, lãnh tụ thiên tài của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới, người đứng đầu Đảng và Nhà nước Xô viết, qua đời. Nguyễn Ái Quốc viếng V.I.Lênin và viết nhiều bài báo khẳng định V.I.Lênin là lãnh tụ dẫn đường cho các dân tộc thuộc địa đi tới sự nghiệp giải phóng. Sau khi V.I.Lênin qua đời, trong Quốc tế Cộng sản có những nhận thức khác nhau về xây dựng CNXH, về cách mạng thuộc địa. Chính sách kinh tế mới ở Liên Xô cũng không được tiếp tục thực hiện.

Những ngày tháng ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc có những hoạt động quốc tế vô cùng sôi nổi. Tháng 10-1923, Người dự Đại hội Quốc tế nông dân và có cuộc gặp gỡ với Tưởng Giới Thạch, Trương Thái Lô (Trung Quốc). Tháng 12-1923, Người có cuộc nói chuyện với nhà thơ Xô viết Ôxip Mandenxtam. Ngày 15-3-1924, Người gửi thư cho nhà lãnh đạo Quốc tế Cộng sản Dinoviev. Từ ngày 17-6-1924, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản với tư cách đại biểu các nước thuộc địa. Trong tham luận và phát biểu tại đại hội, Nguyễn Ái Quốc đề nghị Quốc tế Cộng sản quan tâm đúng mức trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng thuộc địa theo những chỉ dẫn của V.I.Lênin vĩ đại, nhất là đào tạo cán bộ cho phong trào thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc được cử vào Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản; tham dự các đại hội của các tổ chức thuộc Quốc tế Cộng sản. Hoạt động quốc tế của Nguyễn Ái Quốc luôn luôn hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc mình. Ngày 25-9-1924, Quốc tế Cộng sản chấp nhận đề nghị của Nguyễn Ái Quốc về chuyến đi Quảng Châu (Trung Quốc).

Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu ngày 11-11-1924, nơi đó là trung tâm cách mạng của Trung Quốc và có ảnh hưởng rộng ở châu Á, nơi có những chiến sĩ yêu nước của Việt Nam đang hoạt động. Người thực hiện nhiệm vụ quốc tế do Quốc tế Cộng sản, trực tiếp là Ban Phương Đông, phân

công đồng thời thực hiện trách nhiệm dân tộc đối với phong trào yêu nước, phong trào công nhân trong nước Việt Nam. Về trách nhiệm với dân tộc, đất nước, Nguyễn Ái Quốc tập hợp những người Việt Nam yêu nước có mặt ở Quảng Châu, lập ra Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên; ra báo *Thanh Niên* (21-6-1925) để tuyên truyền, tổ chức phong trào cách mạng trong nước; mở các lớp huấn luyện cán bộ từ trong nước sang và trở về vận động xây dựng phong trào; cử cán bộ đi đào tạo ở Liên Xô; xuất bản tác phẩm *Đường Cách mệnh* (1927) xác định đường lối đấu tranh cách mạng và truyền bá lý luận Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc cùng với nhóm sinh viên Trung Quốc ở Đại học Phương Đông biên soạn cuốn sách *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc*, xuất bản năm 1925. Tháng 3-1925, Nguyễn Ái Quốc viết bài “Nông dân Trung Quốc” nêu rõ 7 nguyên nhân khốn cùng của họ. Ngày 9-7-1925, Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức được thành lập theo sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí Trung Quốc gồm những người yêu nước Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, Việt Nam, Indonesia, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân. Chủ tịch Hội là Liêu Trọng Khải thuộc cánh tả Quốc dân Đảng Trung Hoa; Nguyễn Ái Quốc là Bí thư phụ trách tài chính. Nguyễn Ái Quốc hăng hái tham gia phong trào cách mạng Trung Quốc. Khi mở lớp huấn luyện cán bộ Việt Nam, Người trực tiếp giảng bài đồng thời mời các đồng chí Liên Xô công tác ở Quảng Châu và các đồng chí Trung Quốc: Chu Ân Lai, Trương Thái Lô, Bành Bái, Trần Diên Niên, Lý Phú Xuân giảng bài. Tháng 4-1927 xảy ra biến cố ở Quảng Châu. Nguyễn Ái Quốc phải rời Quảng Châu trở lại Liên Xô, hoạt động quốc tế có mục tiêu để nhận thức con đường cách mạng của dân tộc mình rõ ràng và đúng đắn hơn, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của bạn

bè quốc tế. “Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”⁷⁷.

Tháng 11-1927, Quốc tế Cộng sản cử Nguyễn Ái Quốc đi công tác tại Pháp. Sau đó, Người dự cuộc họp của Đại hội đồng Liên đoàn chống đế quốc từ ngày 9 đến ngày 12-12-1927 tại Bruselles (Bi). Từ tháng 12-1927 đến tháng 5-1928, Nguyễn Ái Quốc làm việc tại Berlin (Đức), viết nhiều bài về phong trào công nhân, nông dân Ấn Độ.

Quốc tế Cộng sản đồng ý để Nguyễn Ái Quốc trở về Đông Dương. Tháng 6-1928, Nguyễn Ái Quốc rời nước Đức sang Thụy Sĩ, tới Italy. Từ Cảng Napoli đáp tàu của Nhật Bản về châu Á, tới Xiêm (Thái Lan); tháng 7-1928, Người có mặt ở Xiêm (tại Phichít sau đó lên Udon) với bí danh Thầu Chín, vận động phong trào cách mạng của Việt kiều tại Xiêm. Nửa cuối năm 1929, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh, ra đời các tổ chức cộng sản. Được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, với trách nhiệm, uy tín chính trị của mình, tháng 11-1929, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm đi Hồng Kông (Trung Quốc) triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào mùa Xuân năm 1930. Trong Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-1930, Nguyễn Ái Quốc viết: “Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng”⁷⁸.

Sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 4-1930, Nguyễn Ái Quốc đi Xiêm, sau đó đến Malaysia, Singapore thực hiện những nhiệm vụ do Quốc tế Cộng sản phân công. Từ tháng 5 đến tháng 9-1930, Người làm việc ở Thượng Hải (Trung Quốc). Ngày 6-6-1931, Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh ở Hồng Kông bắt giam. Với sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế và bạn bè, nhất

là của luật sư người Anh Francis Herry Loseby, Nguyễn Ái Quốc được trả tự do và đầu năm 1934, có mặt ở Matxcova.

Những năm 1934-1938, Nguyễn Ái Quốc làm việc tại Quốc tế Cộng sản (Liên Xô). Nguyễn Ái Quốc đề cao quan điểm về giải phóng dân tộc, đoàn kết rộng rãi các giai cấp trong phong trào dân tộc. Quan điểm đó không phù hợp với quan điểm của Quốc tế Cộng sản nên bị phê phán. Tại Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (25-7 - 20-8-1935), Nguyễn Ái Quốc tham gia là đại biểu tư vấn. Mùa Thu năm 1936, Nguyễn Ái Quốc nhận công tác tại Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc, thuộc địa, tại đây trúng tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành lịch sử. Ngày 6-6-1938, Nguyễn Ái Quốc trong thư gửi một đồng chí ở Quốc tế Cộng sản đã nêu rõ qua 7 năm gần như không hoạt động từ khi bị bắt ở Hồng Kông (6-6-1931), “Đồng chí hãy phân tôi đi đâu đó. Hoặc là giữ tôi ở lại đây. Hãy giao cho tôi làm một việc gì mà theo đồng chí là có ích. Điều tôi muốn đề nghị với đồng chí là đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng”.

Ngày 29-9-1938, Quốc tế Cộng sản đồng ý với yêu cầu của Nguyễn Ái Quốc được trở về Tổ quốc. Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đến Trung Quốc. Từ cuối năm 1938 đến tháng 1-1941, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Trung Quốc. Tại đây, Người chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước và có dịp làm việc cùng các đồng chí Trung Quốc: Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh. Chiến tranh thế giới II bùng nổ (1-9-1939). Tháng 6-1940, nước Pháp bị quân phát xít Đức chiếm. Nguyễn Ái Quốc dự báo cơ hội giành độc lập và quyết định trở về Tổ quốc.

Ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước tại Cao Bằng sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài. Người cùng Trung ương Đảng phát triển sáng tạo đường lối giải phóng dân tộc tại HNTU 8 (5-1941) lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giành độc lập. Nguyễn

Ái Quốc - Hồ Chí Minh xác định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và chuẩn bị mọi điều kiện cho thành công của cách mạng. Người nêu rõ cách mạng Việt Nam đứng về phe Đồng minh chống chủ nghĩa phát xít. Tháng 8-1942, Hồ Chí Minh sang Trung Quốc để liên lạc với các nước Đồng minh ủng hộ Việt Nam giành độc lập. Hồ Chí Minh bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam. Người đã viết *Nhật ký trong tù* gồm 133 bài thơ chứa đựng những tư tưởng lớn về đấu tranh cách mạng. Hồ Chí Minh về lại đất nước tháng 9-1944. Trước biến chuyển của sự nghiệp đấu tranh, tháng 2-1945, Hồ Chí Minh đi Côn Minh (Trung Quốc) liên lạc với cơ quan nghiên cứu chiến lược của Hoa Kỳ (OSS). Với cố gắng trong quan hệ với Đồng minh, cuối năm 1944 và đầu năm 1945, quân đội Anh đã huấn luyện một số chiến sĩ tình báo và đưa về Việt Nam. Tháng 7-1945, Mỹ giúp một số vũ khí và cử người huấn luyện, máy bay hạ xuống Lũng Cò (Tuyên Quang).

Cách mạng Tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời với bản *Tuyên ngôn Độc lập* (2-9-1945). Đó là văn kiện lịch sử vô giá của dân tộc Việt Nam, là văn kiện ngoại giao khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam. Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch kiêm ngoại giao. Sự nghiệp ngoại giao nhà nước lớn lao và vô cùng khó khăn, phức tạp đặt lên vai Hồ Chí Minh. Quân đội Trung Hoa dân quốc vào miền Bắc tước vũ khí quân Nhật và thực hiện mưu đồ lật đổ Nhà nước Việt Nam để lập chính quyền tay sai. Quân Anh vào miền Nam, giúp quân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Hồ Chí Minh và Đảng phải hòa hoãn, nhân nhượng với quân Tưởng để tập trung kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ.

Pháp quyết quay lại xâm chiếm Việt Nam và Đông Dương xuất phát từ tâm địa thực dân đồng thời có sự ủng hộ của cả Anh, Mỹ và Trung Hoa dân quốc. Ngày 22-8-1945, tướng Charles De

Gaulle (Pháp) sang Hoa Kỳ gặp Tổng thống Harry S.Truman và Hoa Kỳ chính thức thừa nhận chủ quyền của Pháp tại Đông Dương. Ngày 24-8-1945, Anh và Pháp ký hiệp định về khôi phục quyền lực của Pháp ở Đông Dương. Ngày 19-9-1945, Thủ tướng Chính phủ Trung Hoa dân quốc Tống Tử Văn cam kết với Chính phủ Pháp tại Paris, không xâm phạm đến quyền của Pháp ở Đông Dương. Ngày 9-10-1945, Anh và Pháp ký hiệp định ở London, Anh công nhận quyền kiểm soát của Pháp ở Nam Đông Dương từ vĩ tuyến 16 trở vào.

Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn đó, Hồ Chí Minh tỏ rõ quyết tâm chiến đấu bảo vệ nền độc lập đồng thời với mong muốn hòa bình, đã chủ động đàm phán với Pháp, thực hiện phương châm “Đi bất biến, ứng vạn biến”. Ngày 6-3-1946, Hồ Chí Minh ký với đại diện Chính phủ Pháp J.Sainteny bản *Hiệp định Sơ bộ*; Mở hội nghị trù bị giữa Việt Nam và Pháp về tương lai quan hệ hai nước, họp ở Đà Lạt (19-4-1946); Cử phái đoàn Quốc hội Việt Nam do Phạm Văn Đồng dẫn đầu thăm nước Pháp. Ngày 31-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Hà Nội thăm chính thức nước Pháp. Cuộc đàm phán chính thức Việt Nam - Pháp bắt đầu ngày 6-7-1946 ở Fontainebleau, nhưng không có kết quả. Ngày 14-9-1946, Hồ Chí Minh ký với Bộ trưởng Hải ngoại Pháp Moutet bản *Tạm ước* với những nhượng cần thiết. Hồ Chí Minh cùng các cộng sự Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Minh Giám đã làm hết sức để thật sự có hòa bình. Phía Pháp không thành thực trong đàm phán, quyết tâm áp đặt sự cai trị Việt Nam như trước ngày Nhật gạt Pháp khỏi Đông Dương (9-3-1945). Mặc dù đã nhân nhượng nhưng Pháp quyết tâm cướp nước Việt Nam một lần nữa. Toàn quốc kháng chiến bắt đầu từ đêm 19-12-1946. Jean Sainteny đã nuối tiếc vì một “nền hòa bình bị bỏ lỡ”.

Dù kháng chiến đã diễn ra, Hồ Chí Minh vẫn kiên trì về ngoại giao. Cuối năm 1946, Hồ Chí

Minh gửi lời kêu gọi tới Liên Hợp quốc, nhiều lần gửi thư cho Chính phủ, Quốc hội, Tổng thống Pháp cuối năm 1946, đầu năm 1947. Ngày 12-5-1947, Người tiếp Paul Mus, cố vấn của Cao ủy Pháp Emile Bollaert, ở Thái Nguyên. Pháp vẫn ngoan cố tiến hành chiến tranh. Trong trả lời phỏng vấn của nhà báo Mỹ S.Elise Maissie (9-1947), Người tuyên bố chính sách ngoại giao của Việt Nam “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”¹⁰. Chính những người Pháp yêu chuộng hòa bình đã gọi cuộc chiến tranh do Chính phủ và các tướng lĩnh Pháp gây ra ở Việt Nam là “cuộc chiến tranh bản thù”¹¹.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cùng với mặt trận quân sự, Hồ Chí Minh chú trọng đẩy mạnh ngoại giao. Ngày 14-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra tuyên bố Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với các nước. Ngày 15-1-1950, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Ngày 18-1, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 26-1, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trung Quốc, hội đàm với các nhà lãnh đạo Trung Quốc: Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức, Chu Ân Lai. Ngày 30-1-1950, Liên Xô công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếp đó, ngày 31-1, các nước Dân chủ nhân dân Đông Âu và Triều Tiên đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Ngày 3-2-1950, Hồ Chí Minh tới Mátxcova, hội đàm với Stalin. Đó là những sự kiện ngoại giao có tầm quan trọng đặc biệt, nâng cao vị thế của cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam, khẳng định tính hợp pháp duy nhất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 5-10-1952, Hồ Chí Minh dự Đại hội XIX Đảng Cộng sản Liên Xô.

Khi chuẩn bị mở chiến dịch lớn về quân sự, Hồ Chí Minh đã trả lời phỏng vấn của báo Thụy Điển *Expressen*, ngày 26-11-1953, nêu rõ Việt Nam Dân

chủ Cộng hòa có thể đàm phán với Pháp về một giải pháp hòa bình. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954) đã dẫn tới Hội nghị Giơnevơ bàn về chấm dứt chiến tranh Đông Dương. Đây không phải là cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Pháp mà là Hội nghị của các nước lớn Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, đại biểu các nước Đông Dương được mời tới dự. Ảnh hưởng và sức ép của các nước lớn đã chi phối kết quả của hội nghị. Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị chỉ đạo đoàn Việt Nam do Phạm Văn Đồng dẫn đầu đấu tranh để chấm dứt chiến tranh, thực hiện hòa bình, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và các nước Đông Dương. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, các nước công nhận quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia. Nước Việt Nam tạm thời chia làm hai miền và 2 năm sau, thực hiện tổng tuyển cử, thống nhất đất nước.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Mỹ đã phá hoại hiệp định, thay thế Pháp ở miền Nam Việt Nam, thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, xâm lược và chia cắt lâu dài nước Việt Nam. Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao buộc đối phương thi hành hiệp định. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các nước XHCN, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, các nước bè bạn và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Tháng 6-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trung Quốc, Mông Cổ và Liên Xô. Tháng 7-1957, Hồ Chí Minh thăm Triều Tiên và các nước XHCN Đông Âu; tháng 11-1957, dự Hội nghị 64 đảng cộng sản, công nhân hợp ở Mátxcova, kỷ niệm 40 năm Cách mạng Tháng Mười; tháng 2-1958, thăm Ấn Độ và Miến Điện (nay là Myanmar); ngày 27-2-1959, thăm Indonesia. Tháng 11-1960, Người dự hội nghị 81 Đảng Cộng sản và công nhân ở Mátxcova, hoạt động tích cực để ra được Tuyên bố chung.

Khi Hoa Kỳ trắng trợn đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Việt Nam, từ “chiến tranh đặc biệt” đến “chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh”, Hồ Chí Minh và Đảng quyết tâm kháng chiến cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, đồng thời kiên trì đấu tranh ngoại giao trên cơ sở Hiệp định Giơnevơ. Ngày 2-2-1961, Hồ Chí Minh gửi thư cho Tổng thống mới của Hoa Kỳ J.Kennedy yêu cầu “ông phải lập tức đình chỉ việc can thiệp vào miền Nam Việt Nam”¹². Trả lời Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Menxphin ngày 30-4-1966, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Nhân dân Việt Nam chúng tôi muốn có hoà bình để xây dựng đất nước của mình. Nhưng chúng tôi không sợ chiến tranh, không sợ hy sinh, gian khổ. Chúng tôi quyết chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng để giành lấy hoà bình thật sự, độc lập tự do thật sự”¹³. Trong thư gửi nhân dân Mỹ ngày 23-12-1966, Người tố cáo: “Cũng vì cuộc chiến tranh tội ác do Chính phủ Mỹ gây ra, mà hàng chục vạn thanh niên Mỹ bị bắt đi lính, xa lìa quê hương, chết một cách vô ích ở chiến trường Việt Nam. Hàng chục vạn gia đình Mỹ cha mẹ mất con, vợ mất chồng”¹⁴. Ngày 22-3-1967, Hồ Chí Minh trả lời thư của Tổng thống L.Johnson, nêu rõ: “Sự nghiệp của chúng tôi là chính nghĩa. Mong Chính phủ Mỹ hãy hành động hợp với lẽ phải”¹⁵. Hoạt động quốc tế của Hồ Chí Minh những năm 60 nhằm đoàn kết Liên Xô, Trung Quốc, các nước XHCN và các Đảng Cộng sản, công nhân và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam chống xâm lược của Mỹ.

Ng nghị quyết Trung ương 13 khóa III (27-1-1967) về đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, khẳng định “*đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động*”¹⁶. Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị quyết định việc đàm phán với Hoa Kỳ. Phiên họp đầu tiên ngày 13-5-1968. Trưởng đoàn Việt Nam là Xuân Thủy và Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ. Cùng với tiến công quân sự, mặt trận ngoại giao buộc quân Mỹ rút hết khỏi Việt Nam, tôn trọng độc lập,

chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Ngày 25-8-1969, trong thư trả lời Tổng thống R.Nixon, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. “Đó là con đường để Mỹ rút khỏi cuộc chiến tranh trong danh dự”¹⁷.

Trong 2 cuộc kháng chiến, Hồ Chí Minh chủ động mời và gặp gỡ các nhà báo và các nhà hoạt động văn hóa các nước để họ hiểu hơn và tuyên truyền cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Tiêu biểu như nhà báo Mỹ S.Elise Maissie, nhà điện ảnh Các Men (Liên Xô) với bộ phim “Việt Nam trên đường thắng lợi”. Nhà báo Australia Wilfred Burchett (1911-1983) nhiều lần gặp Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, tới vùng giải phóng miền Nam, viết nhiều bài giới thiệu cuộc chiến đấu anh hùng, chính nghĩa của Việt Nam. Sau năm 1975, ông còn đến biên giới Tây - Nam, biên giới phía Bắc chứng kiến cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam. Hồ Chí Minh cũng nhiều lần tiếp nhà điện ảnh nổi tiếng của Hà Lan Joris Iven, người đã làm phim tài liệu về chiến tranh nhân dân Việt Nam (People’s war in Vietnam) giới thiệu rộng rãi ở nhiều nước. Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn của nhà báo Pháp Saclơ Phuócniô. Đặc biệt, nhà triết học, chiến sĩ hòa bình của Anh Bectorăng Rutxen (1873-1970) đã có sáng kiến thành lập Tòa án quốc tế ở London để xử các tội ác chiến tranh của Mỹ. Ngày 2-7-1967, phiên tòa đã mở tại Stockholm (Thụy Điển). Hồ Chí Minh đã gửi điện cảm ơn tới cụ B.Rutxen. Người trả lời nữ nhà báo Cuba Mácta Rôhát ngày 14-7-1969. Ngày 22-8-1969, Hồ Chí Minh gửi điện chào mừng các đại biểu tham dự “Cuộc gặp gỡ thế giới của thanh niên và sinh viên vì thắng lợi cuối cùng của nhân dân Việt Nam” họp ở Henxinki (Phần Lan). Đảng lãnh đạo cả dân tộc kiên trì đấu tranh quân sự và ngoại giao “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” đã

dẫn tới ký kết Hiệp định Paris (27-1-1973) và toàn thắng ngày 30-4-1975.

Hoạt động quốc tế và ngoại giao của Hồ Chí Minh đã khẳng định Người là chiến sĩ quốc tế lỗi lạc, nhà ngoại giao bậc thầy. Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc không chỉ giành độc lập tự do cho dân tộc mình, mà còn vì độc lập tự do của các dân tộc bị áp bức và những người cùng khổ trên toàn thế giới. Bản chất tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh là hòa bình trong độc lập tự do, là tình hữu nghị, bạn bè chân thành giữa các quốc gia dân tộc; vì tự do hạnh phúc của dân tộc mình đồng thời quý trọng độc lập, chủ quyền của các quốc gia khác. Kiên cường đấu tranh cho lợi ích dân tộc, quốc gia đồng thời ứng xử uyển chuyển chân thành, thiện tâm của văn hóa hòa bình. Tư tưởng đó làm nên nền ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh kiên cường, bản lĩnh, trí tuệ, nhân văn, thành thực và trọng lẽ phải, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đúng như phát biểu quan trọng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị đối ngoại toàn quốc, ngày 14-12-2021 đưa ra khái niệm ngoại giao phải mang đậm bản sắc “Cây tre Việt Nam”, kiên cường, bền bỉ, bản lĩnh lại vô cùng mềm dẻo, linh hoạt, góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc vì đất nước hùng cường, phồn vinh và hạnh phúc.

1, 2, 3, 4. *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, Nxb CTQG, H, 1993, T. 1, tr. 53, 94, 96, 127

5, 6. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 47, 48

7. *Sđđ*, T. 2, tr. 320

8, 9. *Sđđ*, T. 3, tr. 13, 117

10. *Sđđ*, T. 5, tr. 256

11. *Sđđ*, T. 6, tr. 339

12. *Sđđ*, T. 13, tr. 33

13, 14, 15, 17. *Sđđ*, T. 15, tr. 110, 221, 302, 603

16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2003, T. 28, tr. 174.